

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN N  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/KDTM-ST

Ngày: 23/12/2021

V/v “*Tranh chấp  
hợp đồng góp vốn*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Mai

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Dung

2. Bà Hồ Thị Kim Luyện

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ An Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Trâm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2020/TLST-KD ngày 08/10/2020 về “*Tranh chấp hợp đồng góp vốn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 728/2021/QĐXXST-KD ngày 02 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: 1. Ông Nguyễn Tấn T

2. Bà Lê Thị Như M

3. Bà Nguyễn Thị Thu Ng

Địa chỉ: 1/7 T, khu vực 3, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Tấn T và bà Lê Thị Như M là:

Bà Nguyễn Thị Thu Ng và ông Nguyễn Kim Th

Bị đơn: Công ty TNHH T

Địa chỉ: 132/126 H, phường T, quận N, TP. Cần Thơ

Người đại diện theo pháp luật: Ông Khuru Tấn H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Khuru Tấn H

Địa chỉ: 64 Đ, phường A (Nay là T), quận N, thành phố Cần Thơ

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/6/2020 và tờ tường trình của nguyên đơn – bà Lê Thị Như M trình bày:

Trong năm 2018, thông qua mối quan hệ bạn bè, vợ chồng bà quen biết ông H là giám đốc Công ty TNHH T. Ông H nói đang thiếu vốn làm ăn, kêu bà góp vốn vào Công ty của ông H, số tiền góp vốn sẽ được chia lợi nhuận bình quân 5%/tháng, thời gian hoàn vốn 30 ngày đến 50 ngày một lần. Tin lời ông H, ngày 08/12/2018 ông H đến nhà riêng của vợ chồng bà, bà đưa cho ông H số tiền 500.000.000đồng. Hai bên có ký hợp đồng góp vốn và ông H có ký vào biên nhận nhận tiền. Thời gian đầu ông H có đưa tiền lãi tuy không đúng ngày thỏa thuận, đến hạn trả số tiền gốc thì ông H không trả. Bà có gọi điện cho ông H thì ông H hứa hẹn nhưng sau đó thì né tránh, gọi điện không nghe máy. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH T trả cho bà số tiền 500.000.000đồng và tiền lãi theo lãi suất Ngân hàng tạm tính 1%/tháng kể từ ngày 08/6/2019 cho đến khi trả xong nợ.

Theo đơn khởi kiện ngày 01/6/2020 và tờ tường trình của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Thu Ng trình bày:

Bà biết ông H thông qua cha mẹ ông Nguyễn Tấn T và bà Lê Thị Như M. Ông H cũng nói với bà là đang thiếu vốn làm ăn, kêu bà góp vốn vào Công ty của ông H, số tiền góp vốn sẽ được chia lợi nhuận bình quân 10%/tháng, thời gian hoàn vốn 30 ngày một lần. Bà đồng ý nên ngày 17/12/2018 ông H đến nhà bà, bà đưa cho ông H số tiền 200.000.000đồng. Nhưng đến hạn trả tiền gốc thì ông H không trả tiền cho bà, ban đầu bà gọi điện cho ông H thì ông H hứa hẹn trả rồi sau đó thì cố tình né tránh. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH T trả cho bà số tiền 200.000.000đồng và tiền lãi theo lãi suất Ngân hàng tạm tính 1%/tháng kể từ ngày 17/6/2019 cho đến khi trả xong nợ.

Theo đơn khởi kiện ngày 04/6/2020 và tờ tường trình của nguyên đơn – ông Nguyễn Tấn T trình bày:

Trong năm 2018, ông quen biết ông H là giám đốc Công ty TNHH T. Ông H nói đang thiếu vốn làm ăn, kêu ông góp vốn vào Công ty của ông H, số tiền góp vốn sẽ được chia lợi nhuận bình quân 10%/tháng, thời gian hoàn vốn 30 ngày một lần. Tin lời ông H, ngày 07/6/2019 ông H đến nhà riêng của ông và ông đưa cho ông H số tiền 100.000.000đồng và 24 chỉ vàng 24K, có lập hợp đồng góp vốn và ông H ký biên nhận đã nhận tiền, vàng. Thời gian đầu ông H có đưa tiền lãi cho ông nhưng không đúng như thỏa thuận, đến hạn trả tiền gốc thì ông H không trả và né tránh ông. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH T trả cho ông số tiền 100.000.000đồng, 24 chỉ vàng 24K và tiền lãi theo lãi suất Ngân hàng tạm tính 1%/tháng kể từ ngày 07/6/2019 cho đến khi trả xong nợ.

Bị đơn Công ty TNHH T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông H đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để giải quyết vụ kiện nhưng đều vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, vụ kiện được đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Phía nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do.

\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Các nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không thực hiện nghiêm túc theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về giải quyết vụ án:

Giữa ông Nguyễn Tấn T, bà Nguyễn Thị Thu Ng, bà Lê Thị Như M và Công ty TNHH T ký hợp đồng góp vốn theo quy định của Bộ luật dân sự, ông H là người đại diện theo pháp luật của công ty cũng đã ký biên nhận nhận đủ số tiền theo hợp đồng. Tuy nhiên, Công ty TNHH T không thực hiện đúng như thỏa thuận về thanh toán gốc lãi nên ông Nguyễn Tấn T, bà Nguyễn Thị Thu Ng, bà Lê Thị Như M khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH T trả cho ông Nguyễn Tấn T 100.000.000đồng và 20 chỉ vàng 24K, trả cho bà Lê Thị Như M 500.000.000đồng, trả cho bà Nguyễn Thị Thu Ng 200.000.000đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 1%/tháng nhưng sau đó rút lại yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số vốn. Yêu cầu của các nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Tấn T, bà Nguyễn Thị Thu Ng, bà Lê Thị Như M khởi kiện Công ty TNHH T yêu cầu trả tiền theo hợp đồng góp vốn đã ký giữa các bên nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng góp vốn”. Trong giao dịch này, hai bên thỏa thuận về việc góp vốn nhưng không thuộc trường hợp góp vốn để thành lập doanh nghiệp hoặc góp thêm vốn điều lệ của doanh nghiệp đã được thành lập theo quy định khoản 13 Điều 4 Luật Doanh nghiệp nên đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà Nguyễn Thị Thu Ng, ông Nguyễn Kim Thu có đơn xin vắng mặt; Công ty TNHH T và ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nói trên.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn:

Ngày 08/12/2018, bà Lê Thị Như M ký “hợp đồng góp vốn” với Công ty TNHH T do ông H đại diện. Theo đó, bà M góp số tiền 500.000.000đồng để kinh doanh mua bán sắt, thép, phế liệu. Các bên thỏa thuận số tiền góp vốn được chia lợi nhuận bình quân 5%/tháng, thời gian hoàn vốn từ 30 ngày đến 50 ngày một lần (kể từ ngày 08/12/2018 cho đến hết ngày 28/01/2019). Đồng thời có biên nhận cùng ngày 08/12/2018 với nội dung ông H có nhận số tiền góp vốn là 500.000.000đồng.

Ngày 17/12/2018, bà Nguyễn Thị Thu Ng ký “hợp đồng góp vốn” với Công ty TNHH T do ông H đại diện. Theo đó, bà Ng góp số tiền 200.000.000đồng để kinh doanh mua bán sắt, thép, phế liệu. Các bên thỏa thuận số tiền góp vốn được chia lợi nhuận bình quân 10%/tháng, thời gian hoàn vốn 30 ngày một lần (kể từ ngày 17/12/2018 cho đến hết ngày 17/01/2019). Đồng thời có biên nhận cùng

ngày 17/12/2018 với nội dung ông H có nhận số tiền góp vốn là 200.000.000đồng.

Ngày 07/6/2019, ông Nguyễn Tấn T ký “hợp đồng góp vốn” với Công ty TNHH T do ông H đại diện. Theo đó, ông T góp số tiền 100.000.000đồng và 20 chỉ vàng 24K để kinh doanh mua bán sắt, thép, phế liệu. Các bên thỏa thuận số tiền góp vốn được chia lợi nhuận bình quân 10%/tháng, thời gian hoàn vốn 30 ngày một lần (tính từ ngày ký hợp đồng). Đồng thời có biên nhận cùng ngày 07/6/2019 với nội dung ông H có nhận số tiền góp vốn là 100.000.000đồng và 20 chỉ vàng 24K.

Theo bà Ng là nguyên đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà M và ông T thì bà là con của bà M, ông T; sau khi gia đình bà đưa tiền cho ông H, ông H có đưa chung cho cả gia đình được 4-5 lần tiền lãi nhưng không đúng mức lãi, thời gian trả cũng như tính riêng trên từng hợp đồng như đã thỏa thuận, có lần đưa 5.000.000đồng, có lần đưa 10.000.000đồng rồi ngưng. Gia đình bà điện thoại nhắc nhở thì ông H hứa hẹn, rồi né tránh và không nghe điện thoại nữa. Bà xác định yêu cầu Công ty TNHH T trả cho ông T 100.000.000đồng và 20 chỉ vàng 24K, trả cho bà M 500.000.000đồng, trả cho bà 200.000.000đồng, không yêu cầu tiền lãi.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc Công ty TNHH T không trả lãi, trả gốc (chia lợi nhuận, hoàn vốn) cho bà M, bà Ng và ông T như các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng nên bà M, bà Ng và ông T khởi kiện là có cơ sở. Trong đơn kiện, ngoài yêu cầu trả tiền vốn thì các nguyên đơn đều yêu cầu Công ty TNHH T phải trả tiền lãi với mức lãi suất là 1%/tháng cho đến khi trả xong nợ nhưng trong quá trình giải quyết vụ kiện thì các nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nữa. Đây là sự tự nguyện của phía nguyên đơn, phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi cho bị đơn.

Công ty TNHH T cũng như ông H luôn vắng mặt trong các lần triệu tập của Tòa án và không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn cũng như phần trình bày của phía nguyên đơn về quá trình thực hiện hợp đồng đã ký giữa các bên. Từ đó cho thấy bị đơn mặc nhiên thừa nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn nên yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

[4] Từ những nhận định trên về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Giá vàng tại thời điểm xét xử làm cơ sở tính án phí là 5.150.000đồng/chỉ vàng 24K. Như vậy, bị đơn phải chịu án phí trên số tiền  $[500.000.000\text{đồng} + 200.000.000\text{đồng} + 100.000.000\text{đồng} + (20 \times 5.150.000\text{đồng})] = 903.000.000\text{đồng}$ . Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Thu Ng. Ông Nguyễn Tấn T và bà Lê Thị Như M thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 116, 118, 351, 352, 357 Bộ luật dân sự 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên án:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Nguyễn Tấn T, bà Lê Thị Như M, bà Nguyễn Thị Thu Ng:

Buộc Công ty TNHH T trả cho ông Nguyễn Tấn T 100.000.000đồng (*Một trăm triệu đồng*) và 20 (*Hai mươi*) chỉ vàng 24K, trả cho bà Lê Thị Như M 500.000.000đồng (*Năm trăm triệu đồng*), trả cho bà Nguyễn Thị Thu Ng 200.000.000đồng (*Hai trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH T phải chịu 39.090.000đồng (*Ba mươi chín triệu không trăm chín mươi nghìn đồng*). Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thu Ng 5.608.500đồng (*Năm triệu sáu trăm linh tám nghìn năm trăm đồng*) theo biên lai thu số 002714 ngày 22/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Q.N;
- CCTHADS Q.N;
- TAND TP. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thúy Mai**